

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 45/2023/DS-PT

Ngày: 12-01- 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tân Đức

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Ông Nguyễn Chí Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 317/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi H - Sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: Số nhà 54 đường TP, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức D - Sinh năm 1992 (văn bản ủy quyền ngày 29/6/2020);

Nơi cư trú: Số nhà 159 đường LTT, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Đức K - Sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Số nhà 175 đường NCT, p. TA, thành phố BMT, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D, bị đơn ông Phạm Đức K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 24/8/2016, ông Nguyễn Phi H có cho ông Phạm Đức K vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 24/8/2016 đến ngày 24/8/2017; lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khi vay tiền, hai bên có viết giấy tay, không có công chứng chứng thực, tại thời điểm vay tiền, ông K có giao cho ông H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009438 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/7/2013 cho xe ô tô con 07 chỗ ngồi, nhãn hiệu Mitsubishi loại Pajero, màu sơn xanh, sản xuất năm 1997, số khung RLA00V43WV, số máy 6G72CY3905. Biển số 47A – 068.56, tên chủ xe là Phạm Đức K.

Đến hạn trả nợ, ông H đã nhiều lần thông báo qua điện thoại cũng như gặp trực tiếp để đòi nợ nhưng ông K lại luôn tìm cách trốn tránh, chây lỳ không chịu trả nợ cho ông H theo đúng cam kết. Kể từ thời điểm vay tiền cho đến nay, ông K chưa trả cho ông H được bất kỳ khoản tiền gốc hay lãi nào. Do vậy, ông Nguyễn Phi H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Đức K phải trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 24/8/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án. Ông Nguyễn Phi H cũng xác định chỉ cho cá nhân ông Phạm Đức K vay tiền nên yêu cầu Tòa án buộc một mình ông K có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn ông Phạm Đức K trình bày:

Trong quá trình kinh doanh, ông K có vay của ông Nguyễn Phi H số tiền là 100.000.000 đồng, nhưng ông H yêu cầu ghi vào giấy vay là 120.000.000 đồng với lý do là cộng luôn cả tiền lãi, sau này nếu còn thừa thì ông H sẽ trả lại nên ông K đã viết giấy vay là 120.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, ông K có giao cho ông H quản lý sử dụng 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ nhãn hiệu Mitsubishi loại Pajero, màu sơn xanh, có biển số 47A-068.56 cùng toàn bộ giấy tờ xe, hiện nay chiếc xe và giấy tờ xe vẫn đang do ông H quản lý sử dụng. Trong quá trình vay mượn, ông H có cho ông Nãi Cường T – là người thân tín của ông H đến gặp ông K để lấy tiền nợ nhiều lần, do là chỗ quen biết nên ông K không yêu cầu ông H phải làm giấy tờ ủy quyền cho ông T, tổng số tiền mà ông K đã trả cho ông H thông qua ông Nãi Cường T là 77.700.000 đồng. Cũng trong thời gian vay mượn tiền, ông H có đưa người của Công ty điện mặt trời TS đến ở tại khách sạn của ông K tại 175 NCT và ông H đã trực tiếp thu số tiền ở khách sạn là 43.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà ông K đã trả cho ông H là 120.700.000 đồng. Do đó ông K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; khoản 5 Điều 466; Điều 468; Điều 470 BLDS 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Đức K phải trả cho ông Nguyễn Phi H tổng số tiền là 200.458.400 đồng (Hai trăm triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2022 là 80.458.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Sau khi ông Phạm Đức K trả hết nợ thì ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Đức K 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ nhãn hiệu Mitsubishi loại Pajero, màu sơn xanh, biển số 47A - 068.56, số máy 6G72CY3905; số khung: RLA00V43WV1000065 và giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009438 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/7/2013.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc ông H trả xe cho ông K là không có cơ sở vì ông H không nhận xe của ông K. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đối với chiếc xe ô tô là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ông H trả lại xe cho ông K.

Ngày 14/9/2022 bị đơn ông Phạm Đức K kháng cáo bản án sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật vì số ông đã thanh toán hết nợ cho ông H.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Ông Phạm Đức K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Đức K phải trả cho ông Nguyễn Phi H tổng số tiền là 200.458.400 đồng và buộc ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Đức K 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ và giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô sau khi ông K trả hết nợ cho ông H là có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của ông D, ông K - giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định, ông H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, ông K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đức K Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các đương sự thừa nhận vào ngày 24/8/2016 các bên có xác lập giấy vay tiền thể hiện ông Nguyễn Phi H cho ông Phạm Đức K vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 24/8/2016, lãi suất vay là 2%/tháng.

Ông Phạm Đức K kháng cáo cho rằng, số tiền nợ gốc ông vay của ông H thực chất là 100.000.000 đồng nhưng do ông H cộng cả tiền lãi nên ghi vào giấy vay là 120.000.000 đồng. Sau đó ông đã trả cho ông H được số tiền là 120.700.000 đồng trong đó đưa cho ông Nãi Cường T nhận thay ông H số tiền 77.700.000 đồng và ông H có đưa người của Công ty điện mặt trời Trúc Sơn đến ở tại khách sạn của ông K tại 175 NCT và ông H đã trực tiếp thu số tiền ở khách sạn là 43.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K không biết ông Nãi Cường T ở đâu nên không cung cấp được địa chỉ và cũng không cung cấp được chứng cứ về việc đã thanh toán số tiền 43.000.000 đồng cho ông H. Ông H cũng không thừa nhận ông K đã trả số tiền trên. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông H buộc bị đơn ông Phạm Đức K phải trả cho ông H số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và 80.458.000 đồng lãi suất là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Đức D – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Phạm Đức K cho rằng tại thời điểm vay tiền ông có giao cho ông H chiếc xe ô tô biển số 47A-068.56 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009438 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/7/2013 mang

tên Phạm Đức K để làm tin nhưng tại giấy vay tiền ngày 24/8/2016 các bên ký kết tại điều 4 của giấy vay tiền chỉ thể hiện nội dung ông K giao cho ông H giấy tờ xe để làm tin chứ không thể hiện nội dung có giao tài sản là chiếc xe ô tô. Ông H chỉ thừa nhận khi cho ông K vay tiền ông có nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của ông K để làm tin chứ không nhận chiếc xe ô tô. Quá trình tham gia tố tụng ông K không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã giao xe cho nguyên đơn, tại cấp phúc thẩm cả ông K, ông H cũng không xác định được chiếc xe hiện nay đang ở đâu để Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nên không có căn cứ xác định kho vay tiền ông K đã giao xe cho ông H. Bản án sơ thẩm nhận định tại phiên họp công khai chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kiểm định, Biên lai thu phí sử dụng đường bộ, Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc vào năm 2018 nên xác định tại thời điểm vay tiền, ông Phạm Đức K đã giao cho ông Nguyễn Phi H 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ và tuyên buộc ông H phải trả lại cho ông K chiếc xe ô tô 7 chỗ sau khi ông K thanh toán xong nợ là không có cơ sở và không thể thi hành án trên thực tế.

Do đó, cần chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông Phạm Đức K phải trả cho ông H số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và 80.458.000 đồng lãi suất, ông H có trách nhiệm trả cho ông K toàn bộ giấy tờ xe sau khi ông K thanh toán hết nợ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Đức K, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức D – sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Đức K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đức K, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức D – sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; khoản 5 Điều 466; Điều 468; Điều 470 BLDS 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Đức K phải trả cho ông Nguyễn Phi H tổng số tiền là 200.458.400 đồng (Hai trăm triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2022 là 80.458.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Sau khi ông Phạm Đức K trả hết nợ thì ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Đức K 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009438 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/7/2013.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0008226 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn là ông Phạm Đức K được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Phi H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0021307 ngày 15/9/2022 do ông Nguyễn Xuân Đ nộp thay cho ông Nguyễn Phi H tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Phạm Đức K được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung